ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 174 /BC-UBND	*Côn Đảo, ngày 17 tháng 06 năm 2022*

BÁO CÁO
Ước tình hình thực hiện nhiệm vụ thu – chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022

Căn cứ Quyết định số 4679/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND huyện Côn Đảo về giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2022;

UBND huyện Côn Đảo báo cáo ước tình hình thực hiện thu - chi 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

I. ƯỚC THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 (không bao gồm thu chuyển nguồn, kết dư) ước thực hiện 184.192 triệu đồng, đạt 49,19% (184.192 triệu đồng/374.425 triệu đồng) dự toán được UBND tỉnh giao. Trong đó, điều tiết cho ngân sách huyện là 175.233 triệu đồng, đạt 46,8% (175.233 triệu đồng/357.444 triệu đồng) dự toán được UBND tỉnh giao.

So với dự toán được HĐND huyện giao, tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 38,82% (184.192 triệu đồng/474.488 triệu đồng). Trong đó, điều tiết cho ngân sách huyện đạt 38,3% (175.233 triệu đồng /457.507 triệu đồng).

Cụ thể như sau:

1. Ước thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 33.174 triệu đồng, đạt 60,22% (33.174 triệu đồng/55.090 triệu đồng) dự toán năm. Trong đó, điều tiết ngân sách huyện là 24.215 triệu đồng, đạt 63,54% (24.215 triệu đồng/38.108 triệu đồng) dự toán năm. Bao gồm:

a) Thu từ khu vực DNNN Trung ương: 1.921 triệu đồng, đạt 480,25% (1.921 triệu đồng/400 triệu đồng) dự toán năm; điều tiết ngân sách huyện 1.133 triệu đồng, đạt 422,58% (1.133 triệu đồng/268 triệu đồng) dự toán năm, chi tiết như sau:

- Thuế giá trị gia tăng: 1.790 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 1.002 triệu đồng, đạt 895% (1.002 triệu đồng/112 triệu đồng) dự toán năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 02 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 01 triệu đồng, đạt 2% (01 triệu đồng/56 triệu đồng) dự toán năm.

- Thuế tài nguyên: 129 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 129 triệu đồng, đạt 129% (129 triệu đồng/100 triệu đồng) dự toán năm.

b) Thu từ khu vực DNNN địa phương: 3.557 triệu đồng, đạt 30,93% (3.557 triệu đồng/11.500 triệu đồng) dự toán năm; điều tiết ngân sách huyện 2.243 triệu đồng, đạt 32,6% (2.243 triệu đồng/6.880 triệu đồng) dự toán năm, chi tiết như sau:

- Thuế giá trị gia tăng: 2.702 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 1.631 triệu đồng, đạt 41,61% (1.631 triệu đồng/3.920 triệu đồng) dự toán năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 549 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 305 triệu đồng, đạt 15,58% (305 triệu đồng/1.960 triệu đồng) dự toán năm.

- Thuế tài nguyên: 306 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 306 triệu đồng, đạt 30,6% (306 triệu đồng/1.000 triệu đồng) dự toán năm.

c) Thu từ khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài: 3.156 triệu đồng, đạt 57,38% (3.156 triệu đồng/5.500 triệu đồng) dự toán năm, điều tiết ngân sách huyện 1.768 triệu đồng, đạt 57,41% (1.768 triệu đồng/3.080 triệu đồng) dự toán năm, chi tiết như sau:

- Thuế giá trị gia tăng: 2.599 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 1.455 triệu đồng, đạt 54,15% (1.455 triệu đồng/2.668 triệu đồng) dự toán năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 535 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 300 triệu đồng, đạt 76,43% (300 triệu đồng/392 triệu đồng) dự toán năm.

- Thuế tài nguyên: 2 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 2 triệu đồng.

d) Thu ngoài quốc doanh: 7.112 triệu đồng, đạt 41,11% (7.112 triệu đồng/17.300 triệu đồng), điều tiết ngân sách huyện 3.980 triệu đồng, đạt 40,89% (3.980 triệu đồng/9.732 triệu đồng) dự toán năm, chi tiết như sau:

- Thuế giá trị gia tăng: 6.352 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 3.554 triệu đồng, đạt 39,74% (3.554 triệu đồng/8.943 triệu đồng) dự toán năm.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 639 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 358 triệu đồng, đạt 62,4% (358 triệu đồng/577 triệu đồng) dự toán năm.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt:121 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 68 triệu đồng, đạt 60,5% (68 triệu đồng/112 triệu đồng) dự toán năm.

e) Lệ phí trước bạ: 1.285 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 1.285 triệu đồng, đạt 107,8% (1.285 triệu đồng/1.200 triệu đồng) dự toán năm.

g) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 29 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 29 triệu đồng.

h) Thuế thu nhập cá nhân: 3.572 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 1.896 triệu đồng, đạt 78,74% (1.896 triệu đồng/2.408 triệu đồng) dự toán năm.

i) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 2.481 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 2.481 triệu đồng, đạt 206,75% (2.481 triệu đồng/1.200 triệu đồng) dự toán năm.

k) Thu tiền sử dụng đất: 7.661 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 7.661 triệu đồng, đạt 76,61% (7.661 triệu đồng/10.000 triệu đồng) dự toán năm.

l) Phí – Lệ phí: 939 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 793 triệu đồng, đạt 46,65% dự toán năm (793 triệu đồng/1.700 triệu đồng).

m) Thu khác ngân sách: 1.461 triệu đồng, điều tiết ngân sách huyện 947 triệu đồng, đạt 57,74% dự toán năm (947 triệu đồng/1.640 triệu đồng).

2. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 151.018 triệu đồng, đạt 47,29% dự toán năm.

3. Nhận xét

- Trong 6 tháng đầu năm 2022, tổng thu NSNN trên địa bàn ước đạt 60,22% dự toán năm; đa số các khoản thu NSNN trên địa bàn ước đạt và vượt dự toán thu được UBND tỉnh và HĐND huyện giao tính bình quân theo tháng, quý (không bao gồm số thu bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh).

- Ngoài các khoản thu đạt và vượt dự toán tính bình quân theo tháng, quý, các khoản thu chưa đạt dự toán theo tỷ lệ bình quân chung (thu từ khu vực DNNN địa phương, thu ngoài quốc doanh). Đặt trong bối cảnh các hoạt động kinh tế - xã hội đang được phục hồi tích cực sau đại dịch Covid-19 và so sánh với mặt bằng chung về tỷ lệ thu so với dự toán được giao thì các khoản thu từ khu vực DNNN địa phương, thu ngoài quốc doanh đạt tỷ lệ tương đối thấp. Do 02 khoản thu nêu trên chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN trên địa bàn *(28.800 triệu đồng/55.090 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 52,28%)* nên khả năng thu sẽ ảnh hưởng trực tiếp, quyết định đến việc thực hiện hoàn thành dự toán thu ngân sách được giao trên địa bàn huyện. Vì vậy, UBND huyện Côn Đảo đã có Công văn số 1538/UBND-TCKH ngày 27/5/2022 đề nghị Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được UBND tỉnh giao tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về tổ chức quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhằm phấn đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách năm 2022.

II. ƯỚC CHI NGÂN SÁCH HUYỆN

Ước tổng chi ngân sách huyện 6 tháng đầu năm 2022 là: 204.223 triệu đồng, đạt 44,64% (204.223 triệu đồng/457.507 triệu đồng) dự toán năm được HĐND huyện giao, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 63.439 triệu đồng, đạt 61,16% (63.439 triệu đồng/103.720 triệu đồng) dự toán năm. Trong đó số dư tạm ứng đến hết năm 2021 chuyển sang năm 2022 là 32.120 triệu đồng.

2. Chi mua sắm sửa chữa tài sản: 9.446 triệu đồng, đạt 44,39% (9.446 triệu đồng/21.281 triệu đồng) dự toán năm. Trong đó, ước giải ngân số dư dự toán được chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 là 3.725 triệu đồng.

3. Chi thường xuyên: 129.396 triệu đồng, đạt 39,99% (129.396 triệu đồng/323.535 triệu đồng) dự toán năm.

a) Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường: 52.772 triệu đồng, đạt 37,2% (52.772 triệu đồng/141.861 triệu đồng) dự toán năm. Trong đó, ước giải ngân số dư dự toán được chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 là 9.174 triệu đồng.

b) Các đơn vị sự nghiệp kinh tế: 3.521 triệu đồng, đạt 49,49% (3.521 triệu đồng/7.115 triệu đồng) dự toán năm.

c) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 25.832 triệu đồng, đạt 44,31% (25.832 triệu đồng/58.295 triệu đồng) dự toán năm.

d) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao: 5.048 triệu đồng, đạt 45,84% (5.048 triệu đồng/11.012 triệu đồng) dự toán năm.

e) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 4.050 triệu đồng, đạt 36,06% (4.050 triệu đồng/11.232 triệu đồng) dự toán năm.

g) Chi Quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể, Hội đặc thù: 30.587 triệu đồng, đạt 49,6% (30.587 triệu đồng/61.668 triệu đồng) dự toán năm.

h) Chi an ninh quốc phòng: 4.334 triệu đồng, đạt 48% (4.334 triệu đồng/9.029 triệu đồng) dự toán năm.

i) Chi khác ngân sách: 2.636 triệu đồng, đạt 38,72% (2.636 triệu đồng/6.808 triệu đồng) dự toán năm.

k) Chi thi đua khen thưởng: 616 triệu đồng, đạt 45,9% (616 triệu đồng/1.342 triệu đồng) dự toán năm.

4. Chi dự phòng phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19: 1.942 triệu đồng, chiếm 21,65% (1.942 triệu đồng/8.971 triệu đồng) dự phòng ngân sách năm 2022.

5. Nhận xét

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 44,64% so với dự toán năm, trong đó một số khoản chi chưa đạt ảnh hưởng đến dự toán chi 6 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển ước đạt 29,63%, dự toán năm *(đã loại trừ số dư tạm ứng năm 2021 chuyển sang năm 2022 và giải ngân số dư dự toán năm 2021 được chuyển nguồn sang năm 2022)*, nguyên nhân giải ngân thấp là do:

+ Trong tháng 01/2022, các Chủ đầu tư dự án chủ yếu hoàn tất thủ tục quyết toán các dự án và thanh toán kế hoạch vốn năm 2021; cùng với sự thiếu hụt lực lượng công nhân trên các công trường trong tháng 01, tháng 02/2022 do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết nên hầu hết các dự án chưa có khối lượng nghiệm thu để giải ngân kế hoạch vốn được bố trí năm 2022. Kể từ đầu tháng 3/2022 thì các công trường xây dựng mới ổn định trật tự và tiếp tục khẩn trương thi công.

+ Các dự án khởi công mới năm 2022 hầu hết đang triển khai thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế - dự toán, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp nên chưa khởi công xây dựng và chưa có khối lượng để thanh toán kế hoạch vốn được bố trí. Một số dự án còn vướng mắc và chưa hoàn tất thủ tục bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tiến độ triển khai xây dựng và tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn

- Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường ước đạt 30,99% kế hoạch năm *(đã loại trừ số giải ngân số dư dự toán năm 2021 được chuyển nguồn sang năm 2022)*, nguyên nhân giải ngân kinh phí sự nghiệp kinh tế thấp là do trong thời gian đầu năm các chủ đầu tư triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư nên chưa có khối lượng nghiệm thu thanh toán khối lượng.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

- Tiếp tục triển khai các chế độ, chính sách mới liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân sách.

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thụ hưởng ngân sách huyện thực hiện chi tiêu ngân sách đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí; Triển khai Kế hoạch kiểm tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi thường xuyên.

- Yêu cầu các Chủ đầu tư có trách nhiệm đôn đốc nhà thầu khẩn trương lập hồ sơ thanh toán khối lượng thực hiện theo thiết kế và hợp đồng ký kết, lập hồ sơ quyết toán hợp đồng đối với những gói thầu đã hoàn thành nhằm rút ngắn thời gian thanh, quyết toán dự án, góp phần nâng cao tiến độ, chất lượng công trình và tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn được giao; khẩn trương hoàn tất các thủ tục liên quan để khởi công xây dựng các dự án được bố trí kế hoạch vốn khởi công mới năm 2022.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp Kho bạc nhà nước Côn Đảo tăng cường công tác kiểm soát chi đảm bảo chi ngân sách đúng mục đích, tiêu chuẩn, chế độ quy định.

- Tăng cường các biện pháp thu thuế trong các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, chống thất thu thuế; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế.

- Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 theo quy định.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để đảm bảo hoàn thành dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 và nâng cao chất lượng công tác báo cáo, phân tích số liệu trong bối cảnh phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương sau đại dịch Covid-19, UBND huyện Côn Đảo đề nghị Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo quan tâm thực hiện những nội dung được UBND huyện Côn Đảo đề nghị tại Công văn số 1538-UBND-TCKH ngày 27/5/2022.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022. UBND huyện Côn Đảo kính báo.

(Kèm theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02)

Nơi nhận :
- Sở Tài chính;
- TTr: HU ; Tr. HĐND ;
- UBMTTQ huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Cục Thuế tỉnh ;
- Chi cục thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo ;
- Phòng VH-TT (đăng tải Website huyện);
- Lưu : VT, TC-KH(NS).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO T.BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Lê Văn Phong

Số: 174/BC-UBND
Thời gian ký: 17/06/2022 15:44:16 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÔN ĐẢO

Phụ lục 01-Thu

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đvt: triệu đồng.

NỘI DUNG	Dự toán năm báo cáo		Ước thực hiện kỳ báo cáo		% SS kỳ báo cáo/ dự toán năm báo cáo		Lũy kế đến kỳ báo cáo		% SS lũy kế đến kỳ báo cáo /DT năm báo cáo		% SS lũy kế đến kỳ báo cáo /cùng kỳ thực hiện năm trước	
	NSNN	NSH	NSNN	NSH	NSNN	NSH	NSNN	NSH	NSNN	NSH	NSNN	NSH
1	2	3	4	5	6=4/2	7=5/3	8	9	10=8/2	11=9/3	12	13
TỔNG THU	474.488	457.507	31.079	29.275	**6,55%**	**6,40%**	184.192	175.233	**38,82%**	**38,30%**	**79,85%**	**80,23%**
I/ Thu dầu thô			-	-								
II/ Thuế XN khẩu			-	-								
III/ Thu nội địa	55.090	38.108	5.931	4.127	**10,77%**	**10,83%**	**33.174**	**24.215**	**60,22%**	**63,54%**	**80,56%**	**82,67%**
1. DN Trung ương	400	268	83	61	20,75%	22,76%	1.921	1.133	480,25%	422,58%	585,67%	469,93%
Thuế giá trị gia tăng	*200*	112	50	28	*25,00%*	*25,00%*	*1.790*	*1.002*	*895,00%*	895,00%	802,69%	705,92%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	*100*	56	-	-	*0,00%*	*0,00%*	*2*	*1*	*2,00%*	2,00%		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-			*0*	*0*				
Thuế tài nguyên	*100*	100	33	33	*33,00%*	*33,00%*	*129*	*129*	*129,00%*	129,00%	144,94%	144,94%
2. DN địa phương	11.500	6.880	510	330	4,43%	4,80%	3.557	2.243	*30,93%*	32,60%	56,82%	53,46%
Thuế giá trị gia tăng	*7.000*	3.920	500	320	*7,14%*	*8,16%*	*2.702*	*1.631*	*38,60%*	41,61%	*80,11%*	*75,55%*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	*3.500*	1.960	-	-	*0,00%*	*0,00%*	*549*	*305*	*15,69%*	15,58%	*23,24%*	*20,21%*
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	-	-			*0*	*0*				
Thuế tài nguyên	*1.000*	1.000	10	10	*1,00%*	*1,00%*	*306*	*306*	*30,60%*	30,60%	*58,29%*	*58,29%*
3. DN đầu tư nước ngoài	5.500	3.080	950	532	17,27%	17,27%	3.156	1.768	*57,38%*	57,41%	*117,81%*	*103,04%*
Thuế giá trị gia tăng	*4.800*	2.688	900	504	18,75%	18,75%	*2.599*	*1.455*	*54,15%*	54,15%	*121,22%*	*106,08%*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	*700*	392	40	22	5,71%	5,71%	*535*	*300*	*76,43%*	76,43%	*102,49%*	*89,70%*
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	10	6			*20*	*11*				*224,00%*
Thuế tài nguyên	-	-	-	-			*2*	*2*				*40,00%*
4. Ngoài quốc doanh	17.300	9.732	1.817	1.014	10,50%	10,41%	7.112	3.980	41,11%	40,89%	68,58%	99,20%
Thuế giá trị gia tăng	*15.970*	8.943	1.400	784	8,77%	8,77%	*6.352*	*3.554*	*39,77%*	39,74%	*66,74%*	*102,57%*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	*1.030*	577	420	235	40,78%	40,78%	*639*	*358*	*62,04%*	62,04%	*86,70%*	*75,81%*
Thuế tiêu thụ đặc biệt	*200*	112	6	3	3,00%	3,00%	*121*	*68*	*60,50%*	60,50%	*103,42%*	*90,35%*
Thuế tài nguyên	*100*	100	- 9	- 9	-9,00%	-9,00%	*0*	*0*	*0,00%*	0,00%		
5. Trước bạ	1.200	1.200	200	200	16,67%	16,67%	*1.285*	*1.285*	107,08%	107,08%	158,84%	158,84%
6.Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	- 13	- 13			*29*	*29*			152,63%	152,63%
7. Thu nhập cá nhân	4.500	2.408	637	368	14,16%	15,28%	*3.572*	*1.896*	79,38%	78,74%	100,48%	98,70%
8. Thu tiền thuê đất	1.200	1.200	166	166	13,83%	13,83%	*2.481*	*2.481*	206,75%	206,75%	109,83%	109,83%
9.Thu tiền sử dụng đất	10.000	10.000	914	914	9,14%	9,14%	*7.661*	*7.661*	76,61%	76,61%	67,36%	67,36%
10. Sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-			*0*	*0*				
11. Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-			*0*	*0*				
12. Phí và lệ phí	1.700	1.700	60	40	3,53%	2,35%	*939*	*793*	55,24%	46,65%	81,79%	81,42%
13. Thu khác NS	1.790	1.640	607	515	33,91%	31,40%	*1.461*	*947*	81,62%	57,74%	61,44%	53,44%
IV/ Thu NST bổ sung	**319.335**	**319.335**	**25.148**	**25.148**	**7,88%**	**7,88%**	*151.018*	*151.018*	**47,29%**	47,29%	**79,85%**	**79,85%**
V/ Kết dư	**100.063**	**100.063**	-	-			*0*	*0*				
VII/ Thu lợi quỹ năm trước chuyển sang												

Số: 174/BC-UBND
Thời gian ký: 17/06/2022 15:44:20 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÔN ĐẢO

Phụ lục 02-Chi

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đvt: triệu đồng

Nội Dung	Dự toán giao đầu năm báo cáo	Ước thực hiện của kỳ báo cáo	%SS thực hiện kỳ báo cáo/ DTnăm báo cáo	Lũy kế thực hiện của kỳ báo cáo	%SS lũy kế kỳ báo cáo/ DT năm báo cáo	% lũy kế kỳ báo cáo/cùng kỳ báo cáo năm trước
1	2	3	4=3/2	5	6	7
Tổng Chi NSĐP (A+B)	**457.507**	**57.754**	**12,62%**	**204.223**	**44,64%**	154,28%
A/ Tổng Chi cân đối ngân sách	**457.507**	**57.754**	**12,62%**	**204.223**	**44,64%**	154,28%
I/ Chi Đầu Tư phát triển (Chi XDCB)	**103.720**	**11.258**	**10,85%**	63.439	**61,16%**	404,79%
II/ Chi MSSCTS	**21.281**	**4.386**	**20,61%**	9.446	**44,39%**	
III/ Chi Thường Xuyên	**323.535**	**46.496**		**129.396**	**39,99%**	111,14%
1/ Chi sự nghiệp kinh tế, SNMT	141.861	31.766	22,39%	52.772	37,20%	131,73%
2/ Các đơn vị sự nghiệp kinh tế	7.115	600	8,43%	3.521	49,49%	84,93%
3/ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	58.295	6.400	10,98%	25.832	44,31%	117,79%
4/ Chi sự nghiệp y tế		-		-		
5/ Chi SN văn hoá thông tin, TDTT, PTTH	11.012	1.000	9,08%	5.048	45,84%	91,62%
7/ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		-		-		
8/ Chi đảm bảo xã hội	11.232	1.300	11,57%	4.050	36,06%	67,12%
9/ Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù	61.668	4.200	6,81%	30.587	49,60%	92,68%
10/ Chi an ninh quốc phòng	9.029	600	6,65%	4.334	48,00%	108,30%
11/ Chi khác ngân sách	6.808	500	7,34%	2.636	38,72%	259,70%
12/ Chi thực hiện chương trình mục tiêu, đề án		-		-		
13/ Chi tạo nguồn để cải cách tiền lương	15.173	-	-	-		
14/ Chi thi đua khen thưởng	1.342	130	10%	616	45,90%	85,56%
IV / Dự phòng tài chính	**8.971**	**-**	0,00%	1.942	21,65%	